

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

(Dự thảo)

## NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng.

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“1. Biên chế cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường do Ủy ban nhân dân quận, thị xã quản lý, sử dụng.

2. Cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường có các chức vụ sau đây:

- a) Bí thư, Phó Bí thư Đảng uỷ;
- b) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- c) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- d) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- đ) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
- e) Chủ tịch Hội Nông dân (nơi có tổ chức Hội Nông dân).

3. Việc bầu cử chức vụ cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường được thực hiện theo quy định của Đảng, điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội và pháp luật có liên quan.

4. Việc sử dụng, quản lý và chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường được áp dụng như công chức phường.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

**“Điều 5. Quy định về người hoạt động không chuyên trách**

Số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường và ở tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường là người được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái giữ chức danh thuộc cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường (trừ điểm c khoản 1 Điều này).”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

**“Điều 18. Số lượng công chức phường**

1. Số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường được xác định theo quy mô dân số của phường. Quy mô dân số của phường để xác định số lượng biên chế công chức phường thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Thời điểm xác định quy mô dân số của phường là ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định biên chế.

2. Số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường được xác định như sau:

a) Phường thuộc quận có từ 15.000 dân trở xuống được tính 15 biên chế công chức; có trên 15.000 dân thì cứ thêm 5.000 dân được tăng thêm 01 biên chế công chức;

b) Phường thuộc thị xã có từ 5.000 dân trở xuống được tính 15 biên chế công chức; có trên 5.000 dân thì cứ thêm 2.500 dân được tăng thêm 01 biên chế công chức.

3. Căn cứ vào số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường của từng quận, thị xã.

4. Căn cứ vào số lượng biên chế công chức phường được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội phân bổ và yêu cầu, nhiệm vụ của từng phường, Ủy ban nhân dân quận, thị xã quyết định giao cụ thể số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân từng phường trực thuộc.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 19 như sau:

“ 2. Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường, việc tuyển dụng, bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 23 Luật Dân quân tự vệ và văn bản hướng dẫn thi hành. Quyết định bổ nhiệm đồng thời là quyết định tuyển dụng công chức đối với trường hợp chưa phải là công chức.

Đối với các chức danh Chủ tịch phường, Phó Chủ tịch phường, trường hợp nhân sự dự kiến bổ nhiệm là người hoạt động không chuyên trách thì phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm và phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục tiếp nhận, bổ nhiệm quy định tại Nghị định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức. Quyết định bổ nhiệm đồng thời là quyết định tiếp nhận công chức.

2a. Căn cứ quy định của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định, điều chỉnh vị trí việc làm tại Ủy ban nhân dân phường.”

6. Bổ sung Điều 22a vào sau Điều 22 như sau:

**“Điều 22a. Người hoạt động không chuyên trách ở phường**

1. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở phường được xác định theo phân loại đơn vị hành chính của phường và dân số tăng thêm so với tiêu chuẩn về quy mô dân số của phường. Quy mô dân số của phường để xác định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở phường tăng thêm thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Thời điểm xác định quy mô dân số của phường là ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở phường.

2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở phường được xác định như sau:

a) Tính theo phân loại đơn vị hành chính của phường: Loại 1 có không quá 14 người; Loại 2 có không quá 12 người; Loại 3 có không quá 10 người.

b) Tính theo dân số tăng thêm: Phường thuộc quận có trên 15.000 dân thì cứ thêm 5.000 dân được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách; phường thuộc thị xã có trên 5.000 dân thì cứ thêm 2.500 dân được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách.

3. Người hoạt động không chuyên trách ở phường được hưởng chế độ phụ cấp, chế độ bảo hiểm xã hội và chế độ bảo hiểm y tế. Ngân sách nhà nước thực hiện khoản quỹ phụ cấp, bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường với mức khoản quỹ phụ cấp bằng 1,5 lần mức lương cơ sở trên 1 người.

4. Căn cứ vào định mức số lượng người hoạt động không chuyên trách ở phường được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này, căn cứ vào quỹ phụ cấp được khoán theo quy định tại khoản 3 Điều này, căn cứ vào đặc thù của từng phường, yêu cầu quản lý, nguồn kinh phí chi cho cải cách chính sách tiền lương và ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể những nội dung sau:

a) Quy định chức danh và số lượng người hoạt động không chuyên trách ở phường của từng quận, thị xã;

b) Quy định cụ thể về mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường;

c) Quy định cụ thể mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở phường phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

5. Căn cứ vào tổng số người hoạt động không chuyên trách ở phường được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội phân bổ và yêu cầu, nhiệm vụ của từng phường, Ủy ban nhân dân quận, thị xã quyết định giao cụ thể số lượng người hoạt động không chuyên trách của mỗi phường trực thuộc cho phù hợp.”

7. Bổ sung Điều 22b vào sau Điều 22a như sau:

**“Điều 22b. Người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố thuộc phường**

1. Người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố có không quá 03 người được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước và chỉ áp dụng đối với các chức danh: Bí thư Chi bộ; Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban công tác mặt trận.

Căn cứ vào quỹ phụ cấp được khoán theo quy định và căn cứ vào đặc thù của địa phương, yêu cầu quản lý và nguồn thu ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với các chức danh nêu trên.

2. Ngân sách nhà nước thực hiện khoản quỹ phụ cấp bằng 4,5 mức lương cơ sở để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở mỗi tổ dân phố. Riêng đối với tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên được khoán quỹ phụ cấp bằng 6,0 lần mức lương cơ sở.

3. Đối với những chức danh khác ngoài 03 chức danh quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ vào đặc thù của từng phường, yêu cầu quản lý và nguồn thu ngân

sách của địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh”.

8. Bổ sung điểm d1 sau điểm d khoản 1 Điều 23 như sau:

**“Điều 23. Nhiệm vụ về quốc phòng trên địa bàn phường**

d1) Thực hiện báo cáo, thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết; thực hiện khen thưởng và xử lý vi phạm liên quan đến quốc phòng theo thẩm quyền.”

9. Bổ sung điểm đ1 sau điểm đ khoản 1 Điều 24 như sau:

**“Điều 24. Nhiệm vụ về an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn phường**

đ1) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác về an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.”

10. Bổ sung khoản 4, khoản 5 sau khoản 3 Điều 30 như sau:

**“Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp**

4. Hội đồng nhân dân quận, thị xã bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân phường ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021.

5. Đối với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật phải trình Hội đồng nhân dân phường thông qua trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thì Ủy ban nhân dân phường trình Ủy ban nhân dân quận, thị xã để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quy định khác.”

11. Sửa đổi, bổ sung tên Chương III như sau:

**“TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG, QUẢN LÝ CÔNG CHỨC LÀM VIỆC TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG VÀ SỐ LƯỢNG, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH”.**

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

**“Điều 5. Quy định về cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường**

1. Biên chế cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường do Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, sử dụng.

2. Cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường có các chức vụ sau đây:

a) Bí thư, Phó Bí thư Đảng uỷ;

- b) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- c) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- d) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- đ) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
- e) Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (nơi có tổ chức Hội Nông dân).

3. Việc bầu cử chức vụ cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường được thực hiện theo quy định của Đảng, điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội và pháp luật có liên quan.

4. Việc sử dụng, quản lý và chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường được áp dụng như công chức phường.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

**“Điều 6. Quy định về người hoạt động không chuyên trách**

Số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường và ở tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 như sau:

**“Điều 7. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân quận**

2. Căn cứ quy định của Chính phủ về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và tình hình thực tế tại mỗi quận, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, đổi tên và quy định chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, bảo đảm tinh gọn, hợp lý và không vượt quá số lượng cơ quan chuyên môn theo quy định tại thời điểm sắp xếp. Riêng Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận gọi là Văn phòng Ủy ban nhân dân quận.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 14 như sau:

**“Điều 14. Trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận**

1. Hình thức văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận là quyết định. Thể thức và kỹ thuật trình bày quyết định của Ủy ban nhân dân quận thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Mẫu quyết định của Ủy ban nhân dân quận thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

3. Thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân quận

Việc thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân quận thực hiện theo Điều 139 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ

sung tại khoản 43 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 15 như sau:

“3. Bình quân số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh là 03 người. Căn cứ số lượng cơ quan chuyên môn được thành lập và tổng số lượng cấp phó, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định cụ thể số lượng cấp phó của từng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh cho phù hợp”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường là người được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái giữ chức danh thuộc cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường (trừ điểm c khoản 1 Điều này).”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

**“Điều 29. Biên chế công chức phường**

1. Số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường được xác định theo quy mô dân số của phường. Quy mô dân số của phường để xác định số lượng biên chế công chức phường thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Thời điểm xác định quy mô dân số của phường là ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định biên chế.

2. Số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường được xác định như sau:

a) Phường thuộc quận có từ 15.000 dân trở xuống được tính 15 biên chế công chức; có trên 15.000 dân thì cứ thêm 5.000 dân được tăng thêm 01 biên chế công chức;

b) Phường thuộc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh có từ 7.000 dân trở xuống được tính 15 biên chế công chức; có trên 7.000 dân thì cứ thêm 3.500 dân được tăng thêm 01 biên chế công chức.

3. Căn cứ vào số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường của từng quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Căn cứ vào số lượng biên chế công chức phường được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phân bổ và yêu cầu, nhiệm vụ của từng phường, Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quyết định giao cụ thể số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân từng phường trực thuộc.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3 và bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 30 như sau:

**“Điều 30. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân phường**

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện hoặc phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Chủ tịch quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường trực thuộc.

2. Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và phường thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và quy định của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường, việc tuyển dụng, bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 23 Luật Dân quân tự vệ và văn bản hướng dẫn thi hành. Quyết định bổ nhiệm đồng thời là quyết định tuyển dụng công chức đối với trường hợp chưa phải là công chức.

Đối với các chức danh Chủ tịch phường, Phó Chủ tịch phường, trường hợp nhân sự dự kiến để bổ nhiệm là người hoạt động không chuyên trách thì phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm và phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục tiếp nhận, bổ nhiệm quy định tại Nghị định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức. Quyết định bổ nhiệm đồng thời là quyết định tiếp nhận công chức.

2a. Căn cứ quy định của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định, điều chỉnh vị trí việc làm tại Ủy ban nhân dân phường.

3. Căn cứ vào số lượng, vị trí chức danh công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, phường và nhu cầu tuyển dụng, Chủ tịch quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh (trường hợp được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phân cấp hoặc ủy quyền) và phường trực thuộc gửi Sở Nội vụ thống nhất trước khi thực hiện.”

9. Bổ sung Điều 34a như sau:

**“Điều 34a. Người hoạt động không chuyên trách ở phường**

1. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở phường được xác định theo phân loại đơn vị hành chính của phường và dân số tăng thêm so với tiêu chuẩn về quy mô dân số của phường. Quy mô dân số của phường để xác định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở phường tăng thêm thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Thời điểm xác định quy mô dân số của phường là ngày 31 tháng



12 của năm trước liền kề năm trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở phường.

2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở phường được xác định như sau:

a) Tính theo phân loại đơn vị hành chính của phường: Loại 1 có không quá 14 người; Loại 2 có không quá 12 người; Loại 3 có không quá 10 người.

b) Tính theo dân số tăng thêm: Phường thuộc quận có trên 15.000 dân thì cứ thêm 5.000 dân được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách; phường thuộc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh có trên 7.000 dân thì cứ thêm 3.500 được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách.

3. Người hoạt động không chuyên trách ở phường được hưởng chế độ phụ cấp, chế độ bảo hiểm xã hội và chế độ bảo hiểm y tế. Ngân sách nhà nước thực hiện khoản quỹ phụ cấp, bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường với mức khoản quỹ phụ cấp bằng 1,5 lần mức lương cơ sở trên 1 người.

4. Căn cứ vào định mức số lượng người hoạt động không chuyên trách ở phường được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này, căn cứ vào quỹ phụ cấp được khoán theo quy định, căn cứ vào đặc thù của từng địa phương, yêu cầu quản lý, nguồn kinh phí chi cho cải cách chính sách tiền lương và ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể những nội dung sau:

a) Quy định chức danh và số lượng người hoạt động không chuyên trách ở phường của từng quận, thị xã;

b) Quy định cụ thể về mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường;

c) Quy định cụ thể mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở phường phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

5. Căn cứ vào tổng số người hoạt động không chuyên trách ở phường được HĐND Thành phố Hồ Chí Minh phân bổ và yêu cầu, nhiệm vụ của từng phường, UBND quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quyết định giao cụ thể số lượng người hoạt động không chuyên trách của mỗi phường trực thuộc cho phù hợp.”

10. Bổ sung Điều 34b vào sau Điều 34a như sau:

**“Điều 34b. Người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố của phường**

1. Người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố có không quá 03 người được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước và chỉ áp dụng đối với các chức danh: Bí thư Chi bộ; Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban công tác mặt trận. Căn cứ vào quỹ phụ cấp được khoán theo quy định và căn cứ vào đặc thù của từng phường, yêu cầu quản lý và nguồn thu ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định mức phụ cấp

của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với các chức danh nêu trên.

2. Ngân sách nhà nước thực hiện khoán quỹ phụ cấp bằng 4,5 mức lương cơ sở để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở mỗi tổ dân phố. Riêng đối với tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên được khoán quỹ phụ cấp bằng 6,0 lần mức lương cơ sở.

3. Đối với những chức danh khác ngoài 03 chức danh nêu tại khoản 1 Điều này, căn cứ vào đặc thù của từng phường, yêu cầu quản lý và nguồn thu ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

**“Điều 38. Nhiệm vụ về quốc phòng trên địa bàn quận và phường thuộc quận”**

“1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quốc phòng tại quận và phường thuộc quận theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao về quốc phòng ở quận và phường thuộc quận.

b) Tổ chức thực hiện xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; xây dựng thực lực, tiềm lực quốc phòng; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc toàn diện; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân địa phương; thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh; tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tiếp nhận, tạo điều kiện giải quyết việc làm cho quân nhân xuất ngũ; phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân có liên quan trong xây dựng khu vực phòng thủ theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức thực hiện việc xây dựng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách đối với lực lượng dự bị động viên, Dân quân tự vệ tại địa phương theo quy định của pháp luật.

d) Chủ trì hoặc phối hợp xây dựng, quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự, khu kinh tế - quốc phòng trên địa bàn; thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự; chính sách hậu phương quân đội; chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; chi viện nhân lực, vật lực, tài chính cho lực lượng vũ trang nhân dân hoạt động trên địa bàn địa phương làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh.

đ) Thực hiện báo cáo, thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết; thực hiện khen thưởng và xử lý vi phạm liên quan đến quốc phòng theo thẩm quyền.

e) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác về quốc phòng theo quy định của pháp luật.

“2. Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường đề xuất và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao”.

12. Bổ sung Điều 38a vào sau Điều 38 như sau:

**“Điều 38a. Nhiệm vụ về quốc phòng trên địa bàn phường thuộc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng trên địa bàn phường trực thuộc theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao về quốc phòng.

b) Tổ chức thực hiện xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; xây dựng thực lực, tiềm lực quốc phòng; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc toàn diện; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân địa phương; thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh; tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tiếp nhận, tạo điều kiện giải quyết việc làm cho quân nhân xuất ngũ; phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân có liên quan trong xây dựng khu vực phòng thủ theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức thực hiện việc xây dựng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách đối với lực lượng dự bị động viên, Dân quân tự vệ tại địa phương theo quy định của pháp luật.

d) Chủ trì hoặc phối hợp xây dựng, quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự, khu kinh tế - quốc phòng trên địa bàn; thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự; chính sách hậu phương quân đội; chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; chi viện nhân lực, vật lực, tài chính cho lực lượng vũ trang nhân dân hoạt động trên địa bàn địa phương làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh.

đ) Thực hiện báo cáo, thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết; thực hiện khen thưởng và xử lý vi phạm liên quan đến quốc phòng theo thẩm quyền.

e) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác về quốc phòng theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân phường đề xuất và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh giao”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

**“Điều 39. Nhiệm vụ về an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn quận và phường thuộc quận**

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội tại quận, phường thuộc quận theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội do cấp có thẩm quyền giao.

b) Tổ chức thực hiện xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân vững mạnh, tham gia xây dựng lực lượng công an nhân dân, góp phần tăng cường tiềm lực bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định của pháp luật.

c) Giao Ủy ban nhân dân quận, phường chỉ đạo Công an quận, phường thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn quận, phường; thực hiện chế độ, chính sách đối với các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở; chủ trì hoặc phối hợp xây dựng, quản lý, bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia trên địa bàn quận, phường.

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận, phường phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường và các tổ chức thành viên, các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội ở quận, phường.

đ) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận, phường chấp hành việc kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trên địa bàn quận, phường; tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội ở quận, phường.

e) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác về an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường đề xuất và thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao.”

14. Bổ sung Điều 39a vào sau Điều 39 như sau:

**“Điều 39a. Nhiệm vụ về an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn phường thuộc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn phường trực thuộc theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội do cấp có thẩm quyền giao.

b) Tổ chức thực hiện xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân vững mạnh, tham gia xây dựng lực lượng công an nhân dân, góp phần tăng cường tiềm lực bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định của pháp luật.

c) Giao Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo Công an phường thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội; thực hiện chế độ, chính sách đối với các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở; chủ trì hoặc phối hợp xây dựng, quản lý, bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia;

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các cơ quan, tổ chức có liên quan ở phường trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

đ) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường chấp hành việc kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trên địa bàn phường; tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

e) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác về an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân phường đề xuất và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh giao.”

15. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1, sửa đổi, bổ sung khoản 2, bổ sung khoản 4, khoản 5 sau khoản 3 Điều 42 như sau:

“ 1a. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Chủ tịch, Phó Chủ tịch quận được bầu trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 được chuyển thành công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại quận đang công tác.

2. Thời gian giữ chức vụ Chủ tịch quận, phường trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 được tính vào thời gian giữ chức vụ Chủ tịch quận, phường quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này.

4. Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân quận và văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường thuộc quận ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường trực thuộc ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân phường trực thuộc ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021

5. Đối với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật phải trình Hội đồng nhân dân phường thông qua trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thì Ủy ban nhân dân phường trình Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành

phố Hồ Chí Minh đề trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quy định khác.

Đối với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật phải trình Hội đồng nhân dân quận thông qua trước khi quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thì Ủy ban nhân dân quận quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quy định khác.”.

16. Thay thế cụm từ “Ban thuộc Hội đồng nhân dân” bằng cụm từ “Ban của Hội đồng nhân dân” tại Điều 4.

17. Sửa đổi, bổ sung tên Chương V như sau:

**“TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG, QUẢN LÝ CÔNG CHỨC LÀM VIỆC TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG VÀ SỐ LƯỢNG, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH”.**

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

**“Điều 4. Quy định về cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường**

1. Biên chế cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường do Ủy ban nhân dân quận quản lý, sử dụng.

2. Cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường có các chức vụ sau đây:

- a) Bí thư, Phó Bí thư Đảng uỷ;
- b) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- c) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- d) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- đ) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
- e) Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (nơi có tổ chức Hội Nông dân).

3. Việc bầu cử chức vụ cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường được thực hiện theo quy định của Đảng, điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội và pháp luật có liên quan.

4. Việc sử dụng, quản lý và chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường được áp dụng như công chức phường.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

**“Điều 5. Quy định về người hoạt động không chuyên trách**

Số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường và ở tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 6 như sau:

“1. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân quận gồm:

a) Chủ tịch quận;

b) Phó Chủ tịch quận;

c) Trưởng Công an quận;

d) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự quận;

đ) Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận.

2. Căn cứ quy định của Chính phủ về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và tình hình thực tế tại mỗi quận, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, đổi tên và quy định chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, bảo đảm tinh gọn, hợp lý và không vượt quá số lượng cơ quan chuyên môn theo quy định tại thời điểm sắp xếp. Riêng Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận gọi là Văn phòng Ủy ban nhân dân quận.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 13 như sau:

**“Điều 13. Trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận**

1. Hình thức văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận là quyết định. Thể thức và kỹ thuật trình bày quyết định của Ủy ban nhân dân quận thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Mẫu quyết định của Ủy ban nhân dân quận thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

3. Thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân quận

Việc thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân quận thực hiện theo Điều 139 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 43 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau:

“2. Công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường là người được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái giữ chức danh thuộc cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường (trừ điểm c khoản 1 Điều này).”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

**“Điều 26. Biên chế công chức phường**

1. Số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường được xác định theo quy mô dân số của phường. Quy mô dân số của phường để xác định số lượng biên chế công chức phường thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Thời điểm xác định quy mô dân số của phường là ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định biên chế.

2. Số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường thuộc quận được xác định như sau: Có từ 15.000 dân trở xuống được tính 15 biên chế công chức; có trên 15.000 dân thì cứ thêm 5.000 dân được tăng thêm 01 biên chế công chức.

3. Căn cứ vào số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường của từng quận.

4. Căn cứ vào số lượng biên chế công chức phường được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng phân bổ và yêu cầu, nhiệm vụ của từng phường, Ủy ban nhân dân quận quyết định giao cụ thể số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân từng phường trực thuộc.”

6. Sửa đổi, bổ sung tên, khoản 1, khoản 2, khoản 3 và bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 27 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thực hiện hoặc phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận. Chủ tịch quận thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường.

2. Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, phường thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và quy định của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường, việc tuyển dụng, bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 23 Luật Dân quân tự vệ và văn bản hướng dẫn thi hành. Quyết định bổ nhiệm đồng thời là quyết định tuyển dụng công chức đối với trường hợp chưa phải là công chức.

Đối với các chức danh Chủ tịch phường, Phó Chủ tịch phường, trường hợp nhân sự dự kiến để bổ nhiệm là người hoạt động chuyên trách thì phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm và phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục tiếp nhận,



bổ nhiệm quy định tại Nghị định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức. Quyết định bổ nhiệm đồng thời là quyết định tiếp nhận công chức.

2a. Căn cứ quy định của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định, điều chỉnh vị trí việc làm tại Ủy ban nhân dân phường.

3. Căn cứ vào số lượng, vị trí chức danh công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, phường và nhu cầu tuyển dụng, Chủ tịch quận xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận (trường hợp được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng phân cấp hoặc ủy quyền) và phường trực thuộc gửi Sở Nội vụ thống nhất trước khi thực hiện.”

7. Bổ sung Điều 30a như sau:

**“Điều 30a. Người hoạt động không chuyên trách ở phường**

1. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở phường được xác định theo phân loại đơn vị hành chính của phường và dân số tăng thêm so với tiêu chuẩn về quy mô dân số của phường. Quy mô dân số của phường để xác định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở phường tăng thêm thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Thời điểm xác định quy mô dân số của phường là ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở phường.

2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở phường được xác định như sau:

a) Tính theo phân loại đơn vị hành chính của phường: Loại 1 có không quá 14 người; Loại 2 có không quá 12 người; Loại 3 có không quá 10 người.

b) Tính theo dân số tăng thêm: Phường thuộc quận có trên 15.000 dân thì cứ thêm 5.000 dân được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách.

3. Người hoạt động không chuyên trách ở phường được hưởng chế độ phụ cấp, chế độ bảo hiểm xã hội và chế độ bảo hiểm y tế. Ngân sách nhà nước thực hiện khoản quỹ phụ cấp, bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường với mức khoản quỹ phụ cấp bằng 1,5 lần mức lương cơ sở trên 1 người.

4. Căn cứ vào định mức số lượng người hoạt động không chuyên trách ở phường được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này, căn cứ vào quỹ phụ cấp được khoán theo quy định, căn cứ vào đặc thù của từng địa phương, yêu cầu quản lý, nguồn kinh phí chi cho cải cách chính sách tiền lương và ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể những nội dung sau:

a) Quy định chức danh và số lượng người hoạt động không chuyên trách ở phường của từng quận, thị xã;

b) Quy định cụ thể về mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường;

c) Quy định cụ thể mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở phường phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

5. Căn cứ vào tổng số người hoạt động không chuyên trách ở phường được HĐND thành phố Đà Nẵng phân bổ và yêu cầu, nhiệm vụ của từng phường, UBND quận quyết định giao cụ thể số lượng người hoạt động không chuyên trách của mỗi phường trực thuộc cho phù hợp.”

8. Bổ sung Điều 30b vào sau Điều 30a như sau:

**“Điều 30b. Người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố của phường**

1. Người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố có không quá 03 người được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước và chỉ áp dụng đối với các chức danh: Bí thư Chi bộ; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban công tác mặt trận. Căn cứ vào quỹ phụ cấp được khoán theo quy định và căn cứ vào đặc thù của từng phường, yêu cầu quản lý và nguồn thu ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với các chức danh nêu trên.

2. Ngân sách nhà nước thực hiện khoán quỹ phụ cấp bằng 4,5 mức lương cơ sở để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở mỗi tổ dân phố. Riêng đối với tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên được khoán quỹ phụ cấp bằng 6,0 lần mức lương cơ sở.

3. Đối với những chức danh khác ngoài 03 chức danh nêu tại khoản 1 Điều này, căn cứ vào đặc thù của từng phường, yêu cầu quản lý và nguồn thu ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh”.

9. Bổ sung điểm d1 sau điểm d khoản 1, sửa đổi khoản 2 Điều 31 như sau:

**“Điều 31. Nhiệm vụ về quốc phòng**

d1) Thực hiện báo cáo, thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết; thực hiện khen thưởng và xử lý vi phạm liên quan đến quốc phòng theo thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường căn cứ vào tình hình nhiệm vụ cụ thể của địa phương tham mưu, đề xuất và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng giao.”

10. Bổ sung điểm đ1 sau điểm đ khoản 1, sửa đổi khoản 2 Điều 32 như sau:

**“Điều 32. Nhiệm vụ về an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội**

đ1) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác về an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường căn cứ vào tình hình nhiệm vụ cụ thể của địa phương tham mưu, đề xuất và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng giao.”

11. Bổ sung khoản 1a sau khoản 1, bổ sung khoản 4, khoản 5 vào sau khoản 3 Điều 38 như sau:

“1a. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Chủ tịch, Phó Chủ tịch quận được bầu trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 được chuyển thành công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại quận đang công tác.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân quận và văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân phường ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021.

5. Đối với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật phải trình Hội đồng nhân dân phường thông qua trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thì Ủy ban nhân dân phường trình Ủy ban nhân dân quận để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quy định khác.

Đối với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật phải trình Hội đồng nhân dân quận thông qua trước khi quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thì Ủy ban nhân dân quận quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quy định khác.”

12. Sửa đổi, bổ sung tên Chương IV như sau:

“TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG, QUẢN LÝ CÔNG CHỨC LÀM VIỆC TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG VÀ SỐ LƯỢNG, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH”.

#### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

#### **Điều 5. Trách nhiệm thi hành**

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm ban hành quy chế làm việc và mối quan hệ công tác giữa Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường với tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở phường;

định kỳ tổng hợp, báo cáo Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ số lượng biên chế công chức làm việc ở Ủy ban nhân dân phường và biên chế cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV.

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

**PHỤ LỤC I**  
**MẪU VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN**

*(Kèm theo Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ)*

**Mẫu số 01. Quyết định của Ủy ban nhân dân quận (quy định trực tiếp)**

---

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN (1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../20...(2).../QĐ-UBND

...(3)..., ngày... tháng... năm 20...(2)...

**QUYẾT ĐỊNH**

..... (4) .....  
**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN ...(1)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày... tháng... năm..... ;*  
*Căn cứ .....(5)..... ;*  
*Theo đề nghị của .....(6).....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

.....(7).....

**Điều 1**.....

**Điều**.....

.....(7).....

**Điều**.....

**Điều**.....

**Nơi nhận:**

- .....
- .....
- Lưu: VT, ...(9). A.XX(10).

**CHỦ TỊCH (8)**  
*(Chữ ký, dấu)*

**Họ và tên**

**Ghi chú:**

- (1) Tên quận ban hành quyết định.
- (2) Năm ban hành.
- (3) Tên quận, nơi Ủy ban nhân dân ban hành quyết định đóng trụ sở.
- (4) Tên quyết định.
- (5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).
- (6) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo quyết định.
- (7) Nội dung của quyết định; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiêu mục.
- (8) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt “KT.” vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.
- (9) Chữ viết tắt đơn vị chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.
- (10) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

**Mẫu số 02. Quyết định của Ủy ban nhân dân quận (ban hành Quy định/Quy chế...)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN (1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../20...(2).../QĐ-UBND

...(3)..., ngày... tháng... năm 20...(2)...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành..... (4) .....**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN ...(1)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày... tháng... năm.....;*

*Căn cứ .....(5).....;*

*Theo đề nghị của .....(6).....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này .....(7).....

**Điều 2.** .....

**Điều.** .....

**Nơi nhận:**

- .....

- .....

- Lưu: VT, ...(9). A.XX(10).

**CHỦ TỊCH (8)**  
*(Chữ ký, dấu)*

**Họ và tên**

**Ghi chú:**

(1) Tên quận ban hành quyết định.

(2) Năm ban hành.

(3) Tên quận, nơi Ủy ban nhân dân ban hành quyết định đóng trụ sở.

(4) Tên quyết định.

(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo quyết định.

(7) Tên Quy định/Quy chế...

(8) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt “KT.” vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.

(9) Chữ viết tắt đơn vị chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(10) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

**Quy định/Quy chế... ban hành kèm theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

---

(\*) **ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN (1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH/QUY CHẾ...**

.....(2).....

*(Kèm theo Quyết định số .../20.../QĐ-UBND ngày... tháng... năm 20... của Ủy ban nhân dân quận...(1))*

.....(3).....

.....

**Điều 1**.....

.....

**Điều** .....

.....

.....(3).....

.....

**Điều**.....

.....

**Điều** .....

.....

**Ghi chú:**

(\*) Đóng dấu treo.

(1) Tên quận ban hành Quy định/Quy chế...

(2) Tên Quy định/Quy chế...

(3) Nội dung của Quy định/Quy chế...; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.